DANH SÁCH HỌC VIÊN DỰ THI TỐT NGHIỆP

CHỨNG CHỈ ỨNG DỤNG CNTT NÂNG CAO - LỚP ITA.46B

MÔN: KIẾN THỨC CHUNG - MÃ MÔN: B2

- Ngày 17/8/2019 - Phòng máy 507/Tầng 5 - Tại 03 Quang Trung

Số TT	MSSV	MSHV	Họ	Tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Lớp TT	Chữ ký	ĐIỂM		Ghi chú
									Số	Chữ	
1	2226521074	46B01	Trần Ngọc	Anh	30/11/1994	Quảng Bình	ITA.46B		6,7	Sáu, Bảy	
2	2120866099	46B02	Lê Thị Kim	Ánh	19/05/1997	Quảng Trị	ITA.46B		6,0	Sáu, Không	
3	2120219404	46B03	Phan Ngọc	Ánh	26/10/1997	DakLak	ITA.46B		7,3	Bảy, Ba	
4	2226521076	46B04	Đỗ Thị Ngọc	Bích	29/08/1995	Quảng Ngãi	ITA.46B		7,7	Bảy, Bảy	
5	2120619744	46B05	Phan Thị Hoàng	Bích	01/01/1997	Quảng Nam	ITA.46B		8,3	Tám, Ba	
6	2120516558	46B06	Trần Thị Việt	Dung	11/09/1997	Quảng Nam	ITA.46B		7,0	Bảy, Không	
7	2120517714	46B07	Nguyễn Thị Thu	Hà	02/12/1997	Bình Định	ITA.46B				Vắng
8	2120524743	46B08	Phạm Thị Thúy	Hằng	12/05/1997	Nghệ An	ITA.46B		6,3	Sáu, Ba	
9	2226521098	46B09	Nguyễn Thị Hồng	Hạnh	12/04/1994	Bình Định	ITA.46B		8,3	Tám, Ba	
10	2226521104	46B10	Nguyễn Bích	Hoa	04/10/1995	Bình Định	ITA.46B		8,3	Tám, Ba	
11	2226521106	46B11	Trịnh Ngọc	Huê	05/08/1994	Thanh Hóa	ITA.46B		6,7	Sáu, Bảy	
12	2226521108	46B12	Hồ Thị Ngọc	Hương	08/12/1992	Đà Nẵng	ITA.46B		7,0	Bảy, Không	
13	2226521110	46B13	Ngô Thị Ngọc	Huyền	04/11/1992	Đà Nẵng	ITA.46B		6,3	Sáu, Ba	
14	2226521529	46B14	Nguyễn Thị Yến	Ly	27/12/1994	Đà Nẵng	ITA.46B		8,3	Tám, Ba	
15	2121529034	46B15	Nguyễn Trường	Nguyên	06/08/1997	Khánh Hòa	ITA.46B		9,0	Chín, Không	
16	2120524563	46B16	Đặng Trần Thị	Nhi	27/09/1997	Bình Định	ITA.46B		9,3	Chín, Ba	
17	2120233780	46B17	Lê Ái	Nhi	20/02/1997	Khánh Hòa	ITA.46B				Vắng
18	2120524825	46B18	Nguyễn Thị	Nhi	10/06/1997	Bình Định	ITA.46B		6,7	Sáu, Bảy	
19	2120869140	46B19	Mai Thị	Nhung	24/09/1996	DakLak	ITA.46B		6,7	Sáu, Bảy	
20	2120715765	46B20	Hoàng Thị	Nữ	11/06/1997	Quảng Trị	ITA.46B				Vắng
21	2121718293	46B21	Trần Bình Thiện	Phước	30/12/1997	Đà Nẵng	ITA.46B				Vắng

				Tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Lớp TT	Chữ ký	ĐIỂM		Ghi chú
									Số	Chữ	
	2120524514	46B22	Nguyễn Hoàng	**Phương**	03/09/1997	Quảng Bình	ITA.46B		6,0	Sáu, Không	
23	2110713036	46B23	Trương Thị Tố	**Quyên**	16/01/1997	Đà Nẵng	ITA.46B				Vắng
24	2121614363	46B24	Trần Đình	**Thạnh**	12/06/1997	Quảng Nam	ITA.46B		6,3	Sáu, Ba	
25	2120526675	46B25	Lê Trần Phương	**Thảo**	15/10/1997	Quảng Nam	ITA.46B		7,5	Bảy, Năm	
26	2120313149	46B26	Phạm Thị	**Thảo**	10/06/1997	Quảng Ngãi	ITA.46B		8,0	Tám, Không	
27	2121524625	46B27	Nguyễn Tiến	**Thông**	03/08/1996	Quảng Nam	ITA.46B		7,3	Bảy, Ba	
28	2120524692	46B28	Lê Nguyễn Anh	**Thư**	21/08/1997	Quảng Nam	ITA.46B		6,7	Sáu, Bảy	
29	2110713038	46B29	Trịnh Thị	**Thương**	19/09/1997	Quảng Trị	ITA.46B				Vắng
30	2120524754	46B30	Vũ Thị Bích	**Thuỷ**	29/03/1997	Thái Bình	ITA.46B		8,7	Tám, Bảy	
31	2121217636	46B31	Võ Hiển	**Tín**	24/04/1997	Quảng Ngãi	ITA.46B				Vắng
32	2120213332	46B32	Nguyễn Thị Lệ	**Trinh**	10/09/1997	Quảng Nam	ITA.46B				Vắng
33	2121614372	46B33	Phạm Văn	**Trung**	22/05/1997	Quảng Nam	ITA.46B		6,7	Sáu, Bảy	
34	2121868418	46B34	Lê Xuân Thiên	**Trường**	24/12/1996	DakLak	ITA.46B				Vắng
35	2120529273	46B35	Chu Đoàn Thảo	**Uyên**	09/01/1997	Phú Yên	ITA.46B		8,7	Tám, Bảy	
36	2120863963	46B36	Từ Thị Hồng	**Vân**	22/05/1997	Quảng Ngãi	ITA.46B				Vắng
37	2120528806	46B37	Võ Vi Diệu	**Viện**	23/08/1997	Quảng Ngãi	ITA.46B		7,0	Bảy, Không	
38	2120524534	46B38	Đặng Thị Thảo	**Vy**	01/06/1996	Quảng Nam	ITA.46B		7,0	Bảy, Không	
39	2120866270	46B39	Nguyễn Thị Nhật	**Vy**	05/01/1997	Đà Nẵng	ITA.46B		6,3	Sáu, Ba	
40	2120524606	46B40	Nguyễn Thị	**Xuân**	28/11/1996	Hải Dương	ITA.46B		8,0	Tám, Không	

DANH SÁCH HỌC VIÊN DỰ THI TỐT NGHIỆP

CHỨNG CHỈ ỨNG DỤNG CNTT NÂNG CAO - THI GHÉP VỚI LỚP ITA.46B

MÔN: KIẾN THỨC CHUNG - MÃ MÔN: B2

...gian: 17h45 - Ngày 17/8/2019 - Phòng máy 507/Tầng 5 - Tại 03 Quang Trung

Số TT	MSSV	MSHV	Họ	Tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Lớp TT	Chữ ký	ĐIỂM		Ghi chú
									Số	Chữ	
1	2120325250	39B17	Trần Thị	Ly	05/05/1997	Quảng Trị	ITA.39B		7,3	Bảy, Ba	Thi ghép
2	2121716957	41B01	Đặng Bảo	An	25/11/1997	Quảng Nam	ITA.41B		7,7	Bảy, Bảy	Thi ghép
3	2121718311	44B38	Ca Lê Nhân	Trung	19/04/1997	Bình Định	ITA.44B		8,3	Tám, Ba	Thi ghép
4	2020527608	45A19	Phan Ngọc Hà	My	08/03/1996	Quảng Bình	ITA.45A		8,3	Tám, Ba	Thi ghép
5	2120514854	45B04	Nguyễn Thị Mỹ	Chi	18/08/1996	Đà Nẵng	ITA.45B		8,0	Tám, Không	Thi ghép
6	2120518802	45B06	Trần Dương Thùy	Duyên	23/12/1997	Quảng Nam	ITA.45B		7,3	Bảy, Ba	Thi ghép
7	2121719371	45B14	Nguyễn Công	Hậu	13/10/1996	An Giang	ITA.45B		7,0	Bảy, Không	Thi ghép
8	2221265418	45B29	Trần Hồng	Quân	29/01/1997	Gia Lai	ITA.45B		6,7	Sáu, Bảy	Thi ghép
9	2221263400	45B39	Nguyễn Anh	Vỹ	25/12/1998	Quảng Nam	ITA.45B		6,0	Sáu, Không	Thi ghép
10	2121867789	46A05	Phan Tấn	Đạt	28/08/1997	Gia Lai	ITA.46A		5,3	Năm, Ba	Thi ghép
11	2120253881	50A06	Nguyễn Thị Thu	Hạ	18/02/1996	Quảng Nam	ITA.50A		7,0	Bảy, Không	Thi ghép
12	2021116045	51A05	Nguyễn Văn	Dũng	13/04/1996	Quảng Nam	ITA.51A		5,3	Năm, Ba	Thi ghép
13	2120715690	54A14	Đỗ Khánh	Ly	18/07/1995	Quảng Ngãi	ITA.54A		5,3	Năm, Ba	Thi ghép
14	2120527223	54A39	Đặng Thị Tường	Vi	19/10/1997	Đà Nẵng	ITA.54A				Vắng Thi ghép
15	2020527762	56A12	Lê Thị	Hiếu	26/12/1996	Quảng Nam	ITA.56A		7,0	Bảy, Không	Thi ghép

DANH SÁCH HỌC VIÊN DỰ THI TỐT NGHIỆP

CHỨNG CHỈ ỨNG DỤNG CNTT CƠ BẢN - THI GHÉP VỚI LỚP ITA.46B

MÔN: THỰC HÀNH ỨNG DỤNG - MÃ MÔN: B3

...ời gian: 18h30 - Ngày 17/8/2019 - Phòng máy 507/Tầng 5 - Tại 03 Quang Trung

Số TT	MSSV	MSHV	Họ	Tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Lớp TT	Dung lượng bài thi (KB)	Chữ ký	ĐIỂM		Ghi chú
										Số	Chữ	
1	2226521074	46B01	Trần Ngọc	Anh	30/11/1994	Quảng Bình	ITA.46B	554		2.4	hai, bốn	
2	2120866099	46B02	Lê Thị Kim	Ánh	19/05/1997	Quảng Trị	ITA.46B	767		4.0	bốn, không	
3	2120219404	46B03	Phan Ngọc	Ánh	26/10/1997	DakLak	ITA.46B	1181		6.9	Sáu, chín	
4	2226521076	46B04	Đỗ Thị Ngọc	Bích	29/08/1995	Quảng Ngãi	ITA.46B	509		7,5	bảy, năm	
5	2120619744	46B05	Phan Thị Hoàng	Bích	01/01/1997	Quảng Nam	ITA.46B	959		6,5	Sáu, năm	
6	2120516558	46B06	Trần Thị Việt	Dung	11/09/1997	Quảng Nam	ITA.46B	830		6,5	Sáu, năm	
7	2120517714	46B07	Nguyễn Thị Thu	Hà	02/12/1997	Bình Định	ITA.46B	ko				Vắng
8	2120524743	46B08	Phạm Thị Thúy	Hằng	12/05/1997	Nghệ An	ITA.46B	1020		7,0	bảy, không	
9	2226521098	46B09	Nguyễn Thị Hồng	Hạnh	12/04/1994	Bình Định	ITA.46B	944		7,5	bảy, năm	
10	2226521104	46B10	Nguyễn Bích	Hoa	04/10/1995	Bình Định	ITA.46B	930		7,4	bảy, bốn	
11	2226521106	46B11	Trịnh Ngọc	Huê	05/08/1994	Thanh Hóa	ITA.46B	958		6,5	Sáu, năm	
12	2226521108	46B12	Hồ Thị Ngọc	Hương	08/12/1992	Đà Nẵng	ITA.46B	1054		6,5	Sáu, năm	
13	2226521110	46B13	Ngô Thị Ngọc	Huyền	04/11/1992	Đà Nẵng	ITA.46B	537		3,0	ba, không	
14	2226521529	46B14	Nguyễn Thị Yến	Ly	27/12/1994	Đà Nẵng	ITA.46B	559		3,0	Ba, không	
15	2121529034	46B15	Nguyễn Trường	Nguyên	06/08/1997	Khánh Hòa	ITA.46B	878		8,0	tám, không	
16	2120524563	46B16	Đặng Trần Thị	Nhi	27/09/1997	Bình Định	ITA.46B	1023		7,0	[illegible] không	
17	2120233780	46B17	Lê Ái	Nhi	20/02/1997	Khánh Hòa	ITA.46B					Vắng
18	2120524825	46B18	Nguyễn Thị	Nhi	10/06/1997	Bình Định	ITA.46B	916		6,5	Sáu, năm	
19	2120869140	46B19	Mai Thị	Nhung	24/09/1996	DakLak	ITA.46B	784		2,5	hai, năm	
20	2120715765	46B20	Hoàng Thị	Nữ	11/06/1997	Quảng Trị	ITA.46B					Vắng
21	2121718293	46B21	Trần Bình Thiện	Phước	30/12/1997	Đà Nẵng	ITA.46B					Vắng
22	2120524514	46B22	Nguyễn Hoàng	Phương	03/09/1997	Quảng Bình	ITA.46B	494		5,0	năm, không	

				Tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Lớp TT	Dung lượng bài thi (KB)	Chữ ký	ĐIỂM		Ghi chú
										Số	Chữ	
23	2110713036	46B23	Trương Thị Tố	Quyên	16/01/1997	Đà Nẵng	ITA.46B					Vắng
24	2121614363	46B24	Trần Đình	Thạnh	12/06/1997	Quảng Nam	ITA.46B	799		8,5	tám, năm	
25	2120526675	46B25	Lê Trần Phương	Thảo	15/10/1997	Quảng Nam	ITA.46B	1181		8,5	tám, năm	
26	2120313149	46B26	Phạm Thị	Thảo	10/06/1997	Quảng Ngãi	ITA.46B	963		8,5	tám, năm	
27	2121524625	46B27	Nguyễn Tiến	Thông	03/08/1996	Quảng Nam	ITA.46B	990		8,4	tám, bốn	
28	2120524692	46B28	Lê Nguyễn Anh	Thư	21/08/1997	Quảng Nam	ITA.46B	1087		9,0	chín, không	
29	2110713038	46B29	Trịnh Thị	Thương	19/09/1997	Quảng Trị	ITA.46B					Vắng
30	2120524754	46B30	Vũ Thị Bích	Thuỷ	29/03/1997	Thái Bình	ITA.46B	844		8,0	tám, không	
31	2121217636	46B31	Võ Hiển	Tín	24/04/1997	Quảng Ngãi	ITA.46B					Vắng
32	2120213332	46B32	Nguyễn Thị Lệ	Trinh	10/09/1997	Quảng Nam	ITA.46B					Vắng
33	2121614372	46B33	Phạm Văn	Trung	22/05/1997	Quảng Nam	ITA.46B	1026		8,5	tám, năm	
34	2121868418	46B34	Lê Xuân Thiên	Trường	24/12/1996	DakLak	ITA.46B					Vắng
35	2120529273	46B35	Chu Đoàn Thảo	Uyên	09/01/1997	Phú Yên	ITA.46B	943		9,0	chín, không	
36	2120863963	46B36	Từ Thị Hồng	Vân	22/05/1997	Quảng Ngãi	ITA.46B					Vắng
37	2120528806	46B37	Võ Vi Diệu	Viện	23/08/1997	Quảng Ngãi	ITA.46B	1309		9,4	chín, bốn	
38	2120524534	46B38	Đặng Thị Thảo	Vy	01/06/1996	Quảng Nam	ITA.46B	1119		9,5	chín, năm	
39	2120866270	46B39	Nguyễn Thị Nhật	Vy	05/01/1997	Đà Nẵng	ITA.46B	861		9,5	chín, năm	
40	2120524606	46B40	Nguyễn Thị	Xuân	28/11/1996	Hải Dương	ITA.46B	1031		9,5	chín, năm	

Tổng số HV/Dự thi: ..30.. Vắng: ..10.. Cấm thi: ...0... Không đủ điều kiện dự thi: .....0.....

Trung tâm Tin học Duy Tân

DANH SÁCH HỌC VIÊN DỰ THI TỐT NGHIỆP

CHỨNG CHỈ ỨNG DỤNG CNTT CƠ BẢN - THI GHÉP VỚI LỚP ITA.46B

MÔN: THỰC HÀNH ỨNG DỤNG - MÃ MÔN: B3

Thời gian: 18h30 - Ngày 17/8/2019 - Phòng máy 507/Tầng 5 - Tại 03 Quang Trung

Số TT	MSSV	MSHV	Họ	Tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Lớp TT	Dung lượng bài thi (KB)	Chữ ký	ĐIỂM		Ghi chú
										Số	Chữ	
41	2120325250	39B17	Trần Thị	Ly	05/05/1997	Quảng Trị	ITA.39B	946		9,5	Chín, năm	Thi ghép
42	2121716957	41B01	Đặng Bảo	An	25/11/1997	Quảng Nam	ITA.41B	766		7,0	bảy, không	Thi ghép
43	2121718311	44B38	Ca Lê Nhân	Trung	19/04/1997	Bình Định	ITA.44B	823		6,0	sáu, không	Thi ghép
44	2020527608	45A19	Phan Ngọc Hà	My	08/03/1996	Quảng Bình	ITA.45A	792		7,0	bảy, không	Thi ghép
45	2120514854	45B04	Nguyễn Thị Mỹ	Chi	18/08/1996	Đà Nẵng	ITA.45B	859		5,5	năm, năm	Thi ghép
46	2120518802	45B06	Trần Dương Thùy	Duyên	23/12/1997	Quảng Nam	ITA.45B	725		5,5	năm phẩy năm	Thi ghép
47	2121719371	45B14	Nguyễn Công	Hậu	13/10/1996	An Giang	ITA.45B	1310		7,0	bảy phẩy không	Thi ghép
48	2221265418	45B29	Trần Hồng	Quân	29/01/1997	Gia Lai	ITA.45B	895		6,0	sáu	Thi ghép
49	2221263400	45B39	Nguyễn Anh	Vỹ	25/12/1998	Quảng Nam	ITA.45B	926		6,0	sáu	Thi ghép
50	2121867789	46A05	Phan Tấn	Đạt	28/08/1997	Gia Lai	ITA.46A	1011		5,5	năm, năm	Thi ghép
51	2120253881	50A06	Nguyễn Thị Thu	Hạ	18/02/1996	Quảng Nam	ITA.50A	897		4,5	Bốn, năm	Thi ghép
52	2021116045	51A05	Nguyễn Văn	Dũng	13/04/1996	Quảng Nam	ITA.51A	1045		5,0	năm	Thi ghép
53	2120715690	54A14	Đỗ Khánh	Ly	18/07/1995	Quảng Ngãi	ITA.54A	1056		5,0	năm	Thi ghép
54	2120527223	54A39	Đặng Thị Tường	Vi	19/10/1997	Đà Nẵng	ITA.54A					Vắng. Thi ghép
55	2020527762	56A12	Lê Thị	Hiếu	26/12/1996	Quảng Nam	ITA.56A	902		8,0	tám	Thi ghép

Tổng số HV/Dự thi: 14 Vắng: 1 Cấm thi: 0 Không đủ điều kiện dự thi: 0